

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình “Hỗ trợ phát triển Giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022-2030” trên địa bàn tỉnh An Giang

Thực hiện Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Hỗ trợ phát triển Giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022-2030”; trên cơ sở đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình 1674/TTr-SGDĐT ngày 11 tháng 5 năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1609/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Hỗ trợ phát triển Giáo dục mầm non (GDMN) vùng khó khăn. Tăng cơ hội của trẻ em được tiếp cận GDMN có chất lượng, trên cơ sở phân đầu đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị trường học, đội ngũ giáo viên để thực hiện chương trình giáo dục mầm non ở các xã khó khăn, đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đối với trẻ em

- Đến năm 2025: có ít nhất 15% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 80% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo vùng khó khăn được đến cơ sở giáo dục mầm non, trong đó có 100% trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non được tập trung tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ phù hợp theo độ tuổi; 50% các huyện, thị xã có mô hình về tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

- Đến năm 2030: có ít nhất 20% trở lên trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 85% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo vùng khó khăn được đến cơ sở giáo dục mầm non, trong đó có 100% trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non được tập trung tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ phù hợp theo độ tuổi; 80% các huyện, thị xã, thành phố triển khai nhân rộng mô hình tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số (DTTS) trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

- Hằng năm, 100% trẻ em trong các cơ sở Giáo dục mầm non vùng khó khăn được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện địa phương và đặc điểm riêng của trẻ.

2.2. Đối với giáo viên

- Đến năm 2025: Bồi dưỡng 30% giáo viên biết sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ; 50% trở lên cán bộ quản lý, giáo viên mầm non (GVMN) dạy vùng dân tộc thiểu số được bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng, phương pháp, cách thức tổ chức hoạt động tăng cường tiếng Việt; tự bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số tại địa phương để giao tiếp, thực hiện giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

- Đến năm 2030: Bồi dưỡng 60% giáo viên biết sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ; phân đầu bảo đảm định mức giáo viên/nhóm, lớp và nhân viên theo quy định. 80% cán bộ quản lý, giáo dục mầm non dạy vùng dân tộc thiểu số được bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng, phương pháp, cách thức tổ chức hoạt động tăng cường tiếng Việt; tự bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số tại địa phương để giao tiếp, thực hiện giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

2.3. Đối với cơ sở giáo dục mầm non

Đến năm 2030: phân đầu xóa bỏ phòng học nhờ, phòng học tạm; xây mới trường học theo dự báo quy hoạch mạng lưới trường lớp mầm non của các huyện, thị xã, thành phố; cân đối kinh phí hằng năm theo các chương trình mục tiêu để bổ sung đủ bộ đồ chơi ngoài trời, bộ đồ chơi trong lớp cho trường học mới, phòng học thay thế phòng mượn và phòng học mới do tăng quy mô.

(Thống kê số liệu tại biểu 1,2,3,4 kèm theo)

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác quản lý và chỉ đạo phát triển Giáo dục mầm non vùng khó khăn

- Tiếp tục triển khai, quán triệt đầy đủ văn bản chỉ đạo của các cấp về Kế hoạch thực hiện Chương trình “Hỗ trợ phát triển Giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022-2030”. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền; tiếp tục thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể trong việc thực hiện kế hoạch. Cân đối, bố trí, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện kế hoạch theo hướng tranh thủ các nguồn kinh phí, tận dụng các điều kiện hiện có ở địa phương.

- Chỉ đạo ngành Giáo dục và Đào tạo tiếp tục phát huy kinh nghiệm, hiệu quả và tính chủ động trong triển khai thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho trẻ em vùng khó khăn và tăng cường tiếng Việt cho trẻ em vùng dân tộc thiểu số; xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình lồng ghép trong kế hoạch nhiệm vụ năm học hàng năm, bám sát mục tiêu, xác định các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và khả năng nhận thức của trẻ.

- Tăng cường chỉ đạo, phối hợp trong việc huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo ra lớp; duy trì công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đặc biệt quan tâm và tạo cơ hội cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi ra lớp được làm quen với môi trường tiếng Việt, tổ chức các hoạt động cho trẻ tham quan trường,

lớp Tiểu học, đảm bảo kiến thức, kỹ năng và chuẩn bị tâm thế khi trẻ vào học lớp một phổ thông.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển Giáo dục mầm non vùng khó khăn

- Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành: Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch - Đầu tư và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát, nghiên cứu thực hiện kịp thời các chính sách hỗ trợ ăn trưa, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em vùng khó khăn trên địa bàn toàn tỉnh theo quy định.

- Phân đầu đảm bảo định mức giáo viên/nhóm, lớp theo quy định đối với vùng khó khăn, ưu tiên đối với giáo viên dạy nhóm, lớp tại điểm lẻ ở các vùng đồng bào DTTS; bảo đảm số lượng giáo viên theo danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

- Tiếp tục thực hiện chính sách đối với đội ngũ giáo viên mầm non vùng khó khăn, đặc biệt đội ngũ trực tiếp dạy trẻ em người dân tộc thiểu số theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non. Thu hút, động viên giáo viên công tác lâu dài ở vùng khó khăn; ưu tiên sử dụng đội ngũ giáo viên là người địa phương dạy trẻ em người dân tộc thiểu số vùng khó khăn.

- Rà soát và có giải pháp đầu tư cơ sở vật chất, trường lớp: Ưu tiên đầu tư kinh phí để xóa phòng học nhờ, phòng học tạm; mua sắm, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng nhu cầu phát triển Giáo dục mầm non vùng khó khăn.

3. Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý trong các cơ sở Giáo dục mầm non vùng khó khăn

- Triển khai Chương trình giáo dục mầm non, phù hợp với đặc điểm trẻ em vùng khó khăn, kỹ năng dạy học lớp ghép tại điểm trường lẻ và phương pháp thực hiện giáo dục song ngữ, Tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ em người dân tộc thiểu số; đặc biệt quan tâm trẻ em nhà trẻ, trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi mới ra lớp.

- Tiếp tục quan tâm công tác bồi dưỡng tiếng dân tộc cho giáo viên dạy trẻ em người dân tộc thiểu số. Chỉ đạo, hướng dẫn cán bộ quản lý, giáo viên mầm non tăng cường công tác tự học, tự bồi dưỡng, tham gia các lớp học tiếng dân tộc, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; thực hiện dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo chất lượng hiệu quả. Đưa nội dung tăng cường tiếng Việt vào kế hoạch giáo dục theo năm học, chủ đề/tháng, tuần, ngày.

4. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất

- Toàn tỉnh có 75 nhà công vụ, hiện có 17 giáo viên mầm non đang sinh sống, cơ bản đáp ứng nhu cầu cho đội ngũ công tác xa nhà. Có kế hoạch, lộ trình, giải pháp bổ sung phòng học còn thiếu đảm bảo đúng quy định cho giáo

dục mầm non, xóa phòng học nhờ, phòng học tạm; mua sắm bổ sung bộ đồ chơi ngoài trời, bộ đồ chơi trong lớp, đồ dùng học tập tại vùng khó khăn đáp ứng nhu cầu tới trường, lớp của trẻ em; tiếp tục bổ sung tài liệu, học liệu phục vụ việc tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, thay thế đồ dùng, đồ chơi trong và ngoài lớp học, xây dựng mô hình môi trường giáo dục đậm đà văn hóa, bản sắc dân tộc, phát huy ưu thế ở mỗi địa phương để xây dựng môi trường, cảnh quan phù hợp với trẻ và văn hóa riêng của mỗi cơ sở; xây dựng và nhân rộng mô hình điểm làm nơi tập huấn, chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ cho Giáo dục mầm non vùng khó khăn.

5. Triển khai Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với vùng khó khăn, đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ em

- Tiếp tục triển khai, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với văn hóa và điều kiện bối cảnh địa phương, đặc điểm của trẻ em người dân tộc thiểu số. Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non phù hợp với vùng khó khăn.

- Tổ chức biên soạn tập huấn, bồi dưỡng và chia sẻ tài liệu, học liệu thân thiện, phù hợp với trẻ em tại các cơ sở Giáo dục mầm non vùng khó khăn; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng việc thực hiện chương trình và phương pháp giáo dục phù hợp với đội ngũ giáo viên trực tiếp dạy trẻ em người dân tộc thiểu số.

- Tăng cường chuẩn bị tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ em và bảo đảm duy trì môi trường tiếng Việt trong các cơ sở giáo dục mầm non có trẻ em người dân tộc thiểu số; quan tâm đến đối tượng trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo mới ra lớp chưa nói được tiếng Việt.

6. Huy động các nguồn lực phát triển Giáo dục mầm non vùng khó khăn

- Huy động nguồn lực xã hội và cộng đồng: Khuyến khích tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng trường, lớp mầm non. Vận động sự tham gia của toàn dân và các tổ chức xã hội, phát huy sáng kiến của cộng đồng phát triển Giáo dục mầm non vùng khó khăn.

- Huy động cán bộ, chiến sỹ bộ đội biên phòng tham gia dạy tiếng Việt cho cha, mẹ và người chăm sóc trẻ em là người dân tộc thiểu số. Khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đóng góp kinh phí, sách vở, tài liệu, học liệu, đồ dùng đồ chơi hỗ trợ phát triển Giáo dục mầm non vùng khó khăn.

7. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về Chương trình

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến về sự cần thiết, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các bậc cha mẹ, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và cộng đồng đối với việc đầu tư, chăm lo phát triển Giáo dục mầm non vùng khó khăn.

- Tuyên truyền, hỗ trợ các bậc cha, mẹ, người chăm sóc trẻ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, Tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ. Tập huấn về thực hiện GDMN phù hợp với đặc điểm vùng miền, về chuẩn bị tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ cho cha, mẹ trẻ em là người dân tộc thiểu số, cộng đồng vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phối hợp chặt chẽ chính quyền địa phương, người có uy tín trong cộng đồng để vận động các gia đình người dân tộc thiểu số tạo điều kiện cho con, em đến trường, lớp mầm non và học 2 buổi/ngày. Đặc biệt, quan tâm trẻ em mẫu giáo 5 tuổi người dân tộc thiểu số chuẩn bị vào lớp 1 phổ thông.

III. NHU CẦU ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Số liệu đầu tư

- Đầu tư xây dựng phòng học: 63 phòng.
- Mua sắm trang bị đồ chơi trong lớp: 94 bộ.
- Mua sắm trang bị đồ chơi ngoài trời: 42 bộ.
- Tập huấn chuyên môn: 04 lớp.

2. Phân kỳ đầu tư

2.1. Giai đoạn 2022-2025

- Đầu tư phòng học: 28 phòng.
- Mua sắm trang bị đồ chơi trong lớp: 57 bộ.
- Mua sắm trang bị đồ chơi ngoài trời: 23 bộ.
- Tập huấn chuyên môn: 02 lớp.

2.2. Giai đoạn 2025-2030

- Đầu tư phòng học: 35 phòng.
- Mua sắm trang bị đồ chơi trong lớp: 37 bộ.
- Mua sắm trang bị đồ chơi ngoài trời: 19 bộ.
- Tập huấn chuyên môn: 02 lớp.

(Nhu cầu đầu tư CSVC và MSTB theo phụ lục 5,6 đính kèm)

3. Nguồn kinh phí thực hiện

- Nguồn chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo; lồng ghép từ nguồn vốn của các chương trình, dự án (Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025) được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch hằng năm của các địa phương theo phân cấp quản lý hiện hành.

- Nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được giao và giai đoạn 2026-2030 phù hợp khả năng cân đối của ngân sách Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Nguồn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

4. Việc lập và triển khai thực hiện kế hoạch tài chính cho các nhiệm vụ của Chương trình: Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành về kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch tài chính trung hạn của Nhà nước.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện những nhiệm vụ của Chương trình.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Ban Dân tộc tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, hướng dẫn các địa phương rà soát, thống kê, xác định nhu cầu đầu tư; mua sắm thiết bị; bồi dưỡng giáo viên..., ưu tiên nguồn vốn thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia để thực hiện Chương trình.

- Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh xem xét giao bổ sung số lượng người làm việc theo đúng quy định, để đảm bảo số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030 và thực hiện lộ trình nâng chuẩn đào tạo; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho GVMN vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Giai đoạn II thực hiện Đề án “Tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025”, trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ trên địa bàn tỉnh An Giang. Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non về xây dựng kế hoạch; bồi dưỡng tiếng dân tộc; đổi mới nội dung, phương pháp thực hiện Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với đặc điểm trẻ em vùng khó khăn; phương pháp, kỹ năng thực hiện giáo dục song ngữ, tăng cường tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ phù hợp với đối tượng trẻ em người dân tộc thiểu số.

- Tổ chức theo dõi, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra giám sát đánh giá, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh; đánh giá báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh việc thực hiện Chương trình theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp khảo sát thực tế nhu cầu từng điểm trường để lập danh mục đầu tư chính thức trình UBND tỉnh phê duyệt để làm cơ sở pháp lý cho các huyện/thị xã triển khai các thủ tục đầu tư tiếp theo đúng qui định.

2. Ban Dân tộc tỉnh

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức về phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn, tăng cường tiếng Việt đối với trẻ em người dân tộc thiểu số trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, đề xuất cụ thể hóa các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo Kế hoạch 687/KH-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025 tỉnh An Giang.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện Chương trình; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động xã hội và nâng cao năng lực để thực hiện Chương trình; bảo đảm việc thực hiện quyền trẻ em tại vùng khó khăn theo chức năng quản lý được giao.

4. Sở Xây dựng: Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham gia thẩm định về cơ sở vật chất, trường, lớp phù hợp với quy định hiện hành.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, đề xuất cụ thể hóa các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 vào việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp để đạt được các mục tiêu của Chương trình.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cấp thẩm quyền phân bổ nguồn vốn đầu tư để triển khai thực hiện Kế hoạch Chương trình. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện Chương trình của địa phương.”

7. Sở Tài chính: Theo khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan đơn vị và địa phương có liên quan xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về nguồn kinh phí thực hiện trên cơ sở lồng ghép với kinh phí chi thường xuyên được giao hàng năm, các Chương trình, Dự án và các nguồn hợp pháp khác theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

8. Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ngành liên quan rà soát những chính sách bất hợp lý không còn phù hợp với thực tiễn để đề xuất sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác tuyển dụng, hợp đồng, sử dụng, đãi ngộ, khen thưởng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, giáo viên mầm non vùng khó khăn.

9. Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo hệ thống đài truyền thanh cấp huyện và đài truyền thanh cơ sở đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về

mục đích, ý nghĩa của chương trình nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các bậc cha, mẹ, người chăm sóc trẻ, giáo viên, cán bộ quản lý và cộng đồng đối với việc đầu tư, chăm lo phát triển Giáo dục mầm non vùng khó khăn. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc cung cấp và định hướng thông tin tuyên truyền cho các phương tiện thông tin đại chúng.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh Đoàn, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Khuyến học tỉnh: Theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị tích cực phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em ở gia đình và cộng đồng.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tập trung rà soát, thống kê nhu cầu đầu tư, mua sắm thiết bị và xác định số lượng phòng học cần kiên cố hóa, danh mục công trình cần được đầu tư xây dựng, mua sắm thiết bị theo từng giai đoạn. Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch để chỉ đạo, triển khai thực hiện tại địa phương, báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ việc triển khai Chương trình giáo dục mầm non; có chính sách ưu đãi nhằm phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn; bảo đảm bố trí ngân sách chi cho giáo dục mầm non theo đúng quy định hiện hành; rà soát, cân đối nguồn kinh phí triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình, hằng năm có kế hoạch xóa phòng học nhờ, phòng học tạm, bổ sung số phòng học còn thiếu, phòng học mới do tăng quy mô cho vùng khó khăn theo Luật Đầu tư công và các quy định khác của pháp luật. Quan tâm, ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phù hợp với tình hình thực tế của các trường mầm non vùng khó khăn. Có kế hoạch tạo quỹ đất đối với các đơn vị trường học có nhu cầu mở rộng đất hoặc mở rộng mặt bằng để xây dựng phòng học (nếu có).

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non; rà soát và thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ ở các loại hình cơ sở giáo dục mầm non. Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về bố trí đủ định mức giáo viên mầm non trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập theo quy định, đặc biệt bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên cho các cơ sở giáo dục mầm non vùng khó khăn ở địa phương bảo đảm thực hiện mục tiêu Chương trình. Xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai bồi dưỡng tiếng dân tộc cho giáo viên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em người dân tộc thiểu số. Hỗ trợ giáo viên dạy trẻ em người dân tộc thiểu số học tiếng dân tộc tại địa phương nơi giáo viên công tác.

- Có chính sách khuyến khích xã hội hóa giáo dục mầm non, huy động nguồn vốn hợp pháp khác để từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất trường, lớp, trang thiết bị đồ dùng đồ chơi, học liệu trong các cơ sở giáo dục mầm non vùng khó khăn, đặc biệt tại các nhóm, lớp, các điểm lẻ để nâng cao chất lượng giáo dục địa phương.

- Tổ chức kiểm tra, thường xuyên đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch hàng năm, giai đoạn, tổ chức sơ kết, tổng kết; định kỳ tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình “Hỗ trợ phát triển Giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022-2030” trên địa bàn tỉnh An Giang. UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ngành có liên quan và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả, đúng quy định. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp) chỉ đạo, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Phước